

# DÂN CƯ Ở THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG QUA 120 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1900-2020)

NGUYỄN VĂN HIỆP\*  
TRẦN HẠNH MINH PHƯƠNG\*\*

Về dân cư ở vùng đất Thủ Dầu Một - Bình Dương trải qua 120 năm hình thành và phát triển (1900-2020) không phải là chủ đề nghiên cứu mới, nhưng phần lớn các công trình trước đây chỉ đề cập từng giai đoạn lịch sử với các khía cạnh riêng lẻ. Trừ một số công trình nghiên cứu đề cập đến dân cư chủ yếu trong các giai đoạn sau này, vấn đề dân cư ở Thủ Dầu Một - Bình Dương được trình bày tương đối hệ thống trong ba cuốn địa chí: *Société des Études Indochinoises* (1910), *Monographie de la Province de Thudaumot*, Imprimerie F.H Schneider, Saigon; Trần Bạch Đằng (chủ biên, 1991), *Địa chí tỉnh Sông Bé*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé; Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương (2010), *Địa chí Bình Dương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010. Bài viết này bước đầu phác thảo một hướng nhìn kết nối các công trình nghiên cứu nêu trên về dân cư Thủ Dầu Một - Bình Dương trong suốt tiến trình lịch sử 120 năm qua.

## 1. Dân số tăng cơ học và phân bố khu vực đô thị cao theo thời gian

Vùng đất Thủ Dầu Một từ xa xưa đã là nơi tụ cư của nhiều tộc người bản địa. Trong suốt thời kỳ khai phá và tạo dựng

trải dài hai thế kỷ XVII-XVIII, sự nhập cư vào đất mới (chủ yếu là những nông dân bị khánh kiệt ruộng đất hoặc bị chính quyền phong kiến truy bức từ miền Bắc, miền Trung) và sự chấp nhận dễ dàng của cư dân bản địa đã không ngừng làm thay đổi bộ mặt vốn hoang vu của vùng Thủ Dầu Một xưa, tạo ra sự thay đổi diện mạo, mạnh mẽ và liên tục về sự tụ cư, về đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nơi đây. Đến khi chính quyền thực dân Pháp ban hành quyết định thành lập tỉnh Thủ Dầu Một năm 1899 (quyết định có hiệu lực từ năm 1900), chưa có một thống kê chính thức nào về dân số vào thời điểm này, cũng như những năm sau đó. Đến năm 1910, chúng ta mới bắt đầu có số liệu về dân số Thủ Dầu Một từ các thống kê địa bạ và sổ quản lý suất đĩnh của người Pháp. Trong 15 năm từ năm 1910 đến năm 1925, khi tư bản thực dân Pháp đầu tư khai thác ngành cao su ở Nam Kỳ, rất đông nông dân ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ rời bỏ quê hương vào ký Contrat bán sức lao động làm thuê tại các đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một làm cho dân số ở đây tăng dần lên, từ 110.827 người lên 126.730 người (1). Tuy nhiên sau đó, có thể do ảnh hưởng

\*PGS.TS. Trường Đại học Thủ Dầu Một

\*\*TS. Viện Phát triển Chiến lược - Trường Đại học Thủ Dầu Một

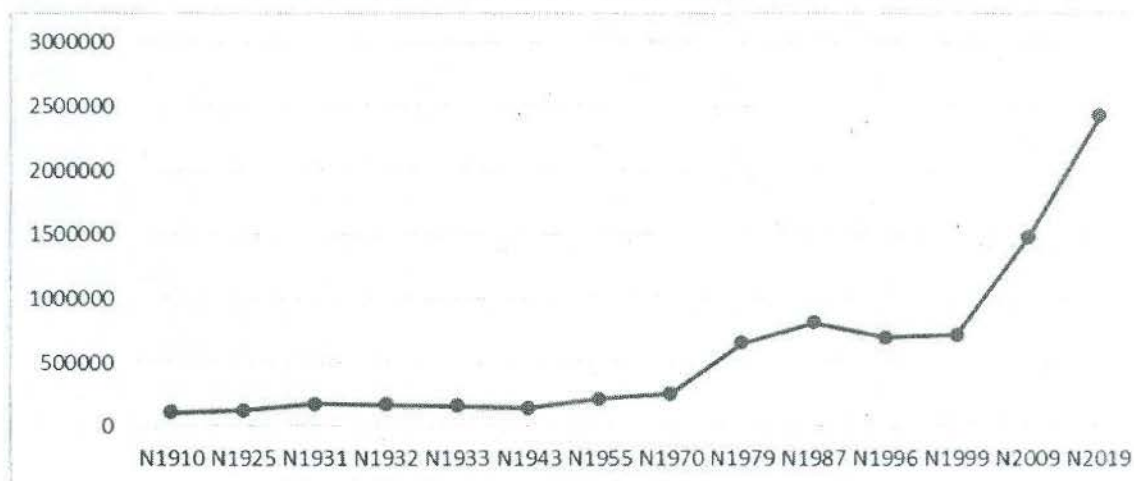
của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933), nhiều người ở Thủ Dầu Một đã rời xứ sở đi kiếm sống, nên dân số do đó giảm nhẹ trong những năm 1932, 1933, 1943. Cụ thể năm 1931 là 177.259 người giảm xuống 172.042 người (1932), 159.425 người (1933), 146.600 người (1943) (2).

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), địa giới tỉnh Thủ Dầu Một nhiều lần thay đổi, một phần địa bàn do chính quyền của “Chính phủ Nam Kỳ tự trị”, sau đó là “Chính phủ Quốc gia Việt Nam” quản lý, một phần do chính quyền cách mạng kiểm soát (chủ yếu là vùng căn cứ địa), nên khó có thể có một thống kê đầy đủ, chính xác dân số của tỉnh. Sang thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) cũng chỉ có được số liệu thống kê dân số trong hai năm 1955 và 1967. Năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm ép nhiều gia đình tín đồ Thiên chúa giáo vào định cư ở đây nên dân số của tỉnh tăng lên 214.500 người. Năm 1965, sau khi đế quốc Mỹ trực tiếp đưa quân Mỹ và đồng minh của Mỹ vào tham chiến tại chiến trường miền Nam Việt Nam, năm 1967 lập căn cứ tại Lai

Khê, Phú Lợi, địa bàn Thủ Dầu Một được chia thành ba vùng: *vùng tạm chiếm* (vùng do chính quyền Sài Gòn quản lý), diện tích 39.663 ha, dân số 133.558 người; *vùng du kích* (vùng tranh chấp giữa Quân đội Sài Gòn và Quân đội kháng chiến), diện tích 59.545 ha, dân số 39.561 người; và *vùng kháng chiến* (vùng căn cứ địa, giải phóng do chính quyền cách mạng quản lý), diện tích 121.344 ha, dân số 52.330 người. Mặc dù do tình hình chiến tranh, trong 12 năm (1955 - 1967) dân số ở Thủ Dầu Một vẫn tăng 10.949 người (3).

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ngày 2-7-1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất ban hành quyết định sáp nhập tỉnh Thủ Dầu Một với tỉnh Bình Phước thành tỉnh Sông Bé. Dân số tỉnh Sông Bé tăng nhanh vì nhiều lý do: dân xiêu tán vì chiến tranh và những người kháng chiến từ khắp nơi trở về quê cũ; số cán bộ, chiến sĩ sau chiến tranh ở lại chọn nơi đây làm quê mới; từng đoàn người từ các địa phương khác đến xây dựng vùng kinh tế theo chủ trương của Đảng và Nhà nước; và sự xuất hiện nhiều khu công

**Biểu đồ 1: Dân số tỉnh Thủ Dầu Một - Bình Dương**



Nguồn: Trần Bạch Đằng, 1991; Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương; Tổng cục thống kê 2004, 2009; Thống kê Bình Dương 2019.

nghiệp với hàng ngàn công nhân từ các địa phương khác đổ về. Dân số tỉnh Sông Bé (bao gồm cả Bình Phước ngày nay) có 655.800 người năm 1979, 816.265 người năm 1986 (4). Ngày 1-1-1997, tỉnh Sông Bé chính thức tách thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Tỉnh Bình Dương có diện tích tự nhiên là 2.716 km<sup>2</sup>, diện tích nhỏ hơn nhưng dân số cao hơn 10 năm trước đó (699.656 người). Ba mốc thời gian cách nhau 10 năm: 1999, 2009, 2019 dân số tăng rất nhanh. Năm 1999 là 720.800 người, đến ngày 1-4-2009 là 1.482.636 người, tăng 766.208 người so với năm 1999, trở thành tỉnh có số dân đông thứ 17 so với 63 tỉnh, thành phố trong cả nước và đông thứ ba so với vùng Đông Nam Bộ, chỉ sau Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai. Tỷ lệ tăng dân số bình quân hàng năm gấp 2,25 lần so với mức tăng chung của vùng Đông Nam Bộ và cao nhất cả nước. Gần đây nhất, theo thống kê ngày 1-4-2019, dân số tăng lên 2.426.561 người (5).

Biểu đồ dân số thể hiện trước năm 1975 dân số không tăng nhiều thậm chí trong

những năm (1932, 1933, 1943) dân số giảm, sau đó có tăng nhưng không cao. Dân số của tỉnh tăng nhanh kể từ năm 1999. So sánh dân số năm 1910 và năm 2019, dân số tăng 22 lần (110.827 người - 2.426.516 người). Sự tăng nhanh dân số từ năm 1999 đến năm 2019 gắn liền với tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh tại Bình Dương. Ba khu vực thành phố Thuận An (6), Dĩ An và thị xã Tân Uyên đều mở rộng địa giới hành chính, và diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp, nhường chỗ cho hoạt động kinh tế công nghiệp và dịch vụ. Vùng ven ba đô thị này đều đã nhanh chóng được đô thị hóa, trở thành những khu công nghiệp và khu dân cư. Năm 2000, tổng dân số Bình Dương là 742.790 người, trong đó có 241.406 người sống ở đô thị, chiếm 32,5%, nông thôn có 501.384 chiếm 67,5%. Đến năm 2019, tỉnh Bình Dương có 2.426.561 người; trong đó dân số khu vực thành thị chiếm tỷ lệ 79,87% và khu vực nông thôn chiếm tỷ lệ 20,13% (Cục thống kê Bình Dương, 2000, 2019).

Chỉ sau 19 năm với tốc độ đô thị hóa cao ở Bình Dương đã có 79,87% dân số sinh

**Biểu đồ 2: So sánh cơ cấu dân số đô thị, nông thôn ở Bình Dương năm 2000, 2019**



Nguồn: Con số và sự kiện tỉnh Bình Dương, Cục thống kê tỉnh Bình Dương, 2000, 2009.

sống tại khu vực đô thị Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An và Tân Uyên. Trong khi đó, theo tính toán: “Việt Nam có thể chỉ mất 90 năm để đạt mức đô thị hóa là có 50% dân số sinh sống tại các thành phố và các vùng đô thị, và điều này sẽ diễn ra trước năm 2050. Trong khi đó, quá trình này sẽ mất trung bình 95 năm cho toàn châu Á và 210 năm cho vùng Mỹ Latin và Caribbean” (7). Kinh tế phát triển mang đến nhiều cơ hội việc làm cho người lao động nên Bình Dương có sức hút di dân lớn làm cho dân số tăng cơ học cao hơn tỷ lệ sinh tự nhiên và ở các khu vực đô thị là nơi tập trung những người nhập cư, dẫn đến dân số đô thị ngày càng cao hơn khu vực nông thôn.

## 2. Dân cư đa tộc người, đa vùng miền, đa quốc gia, đa văn hóa và đa tôn giáo

Bình Dương có điều kiện tự nhiên khá lý tưởng. Trên địa bàn tỉnh có ba con sông lớn chảy qua: sông Bé ở phía Bắc, sông Đồng Nai ở phía Đông, sông Sài Gòn chảy theo hướng Tây - Bắc - Đông Nam và các chi lưu của sông Bé và sông Đồng Nai như sông Thị Tịch, các suối Giai, suối Mã Đà, quanh năm có đủ nguồn nước cho cuộc sống con người. Thời tiết và khí hậu nơi đây thuận hòa, không có bão, lũ. Mặt khác, vị trí địa lý của Bình Dương là nơi giao nhau của những tỉnh thành lớn (Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bà Rịa Vũng Tàu), thuận lợi trong giao thông thủy, bộ nên nơi đây sớm là nơi hội tụ của nhiều dòng dân cư từ thời Tiên, Sơ sử mà bằng chứng còn lại là các di chỉ khảo cổ học đã được khai quật trong thời gian qua. Tiếp đó, các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer: Mạ, Stiêng, K'ho, Chơro, M'ông là hậu duệ của nhóm cư dân cổ đã cư trú ở đây. Đến thế kỷ XVII, nhóm người Việt từ miền Thuận

Quảng và người Hoa đến Thủ Dầu Một. Theo Baurac có nhiều tộc người khác nhau “người Việt, người Hoa, người Mọi, Stiêng, Tamun, người Campuchia, Lào” (8). Theo *Niên giám Đông Dương năm 1910*, tỉnh Thủ Dầu Một có 41 người Âu, 87.700 người Kinh, 1250 người Hoa, 700 người Minh Hương, 14.300 người dân tộc và 30 người không rõ (9). Mười sáu năm sau, theo thống kê năm 1926, thành phần cư dân ở Thủ Dầu Một được ghi rõ có các thành phần dân tộc “Người Việt gốc Nam Bộ là 105.968 người. Người Việt gốc Bắc Bộ và Trung Bộ là 4.122 người. Người Khmer là 2.469 người. Người Stiêng là 11.945 người. Người Chăm 453 người. Người Minh Hương 1.097 người. Người Hoa là 1.374 người” (10). Năm 1953, có 69.587 người Việt, 1540 người Khmer, 188 người Âu, 4.385 người Hoa, 24 người châu Á khác, 43.045 người Indonesien.

Người Khmer, Chăm đến từ đồng bằng Sông Cửu Long; người Nùng, Tày, Mường, Thái, Sán Chỉ đến từ các tỉnh miền núi phía Bắc. Theo số liệu chính thức của Ủy ban dân tộc, kết quả điều tra dân số ngày 1-4-1999, tỉnh Bình Dương có 716.661 người, bao gồm có 15 tộc người, đông nhất là dân tộc Kinh có 695.710 người, chiếm 97% dân số; các dân tộc thiểu số như dân tộc Hoa có 14.455 người, chiếm 2,07%; dân tộc Khmer có 1.490 người; dân tộc Tày có 514 người; dân tộc Chăm có 322 người; dân tộc Mường có 315 người; dân tộc Nùng 453 người; dân tộc Stiêng có 60 người. Kết quả khảo sát của Bảo tàng tỉnh Bình Dương vào năm 2012 cho thấy ở Bình Dương có 20 tộc người trong nước trong đó có bảy tộc người chiếm số lượng cao: hai tộc người đến từ các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long: Người Khmer có số lượng đông nhất (884 hộ, 3696 nhân khẩu), người Chăm (183 hộ, 609 nhân khẩu) và năm tộc người đến từ

các tỉnh miền núi phía Bắc: đông nhất là người Nùng (239 hộ, 978 nhân khẩu), người Tày (225 hộ, 919 nhân khẩu), người Mường (158 hộ, 643 nhân khẩu), người Thái (55 hộ, 211 nhân khẩu) và người Sán Chỉ (31 hộ, 110 nhân khẩu). Có những tộc người chỉ có từ 1 đến 4 hộ: như người Ấn Độ, Campuchia, Lào, Paco, Sán Chay, Raglai.

Từ sau ngày tái lập tỉnh, bằng việc cải tiến thủ tục hành chính (tiếp nhận, thẩm định, cấp giấy phép đầu tư), xây dựng cơ sở hạ tầng, Bình Dương đã thu hút nhiều dự án đầu tư sản xuất, thị trường lao động rộng mở, nên trở thành một trong những đô thị có lực hút người nước ngoài đến đầu tư và làm việc. Theo Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, Bình Dương đứng thứ 2 cả nước (chỉ sau Thành phố Hồ Chí Minh) về thu hút vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký là 34,33 tỉ đô la Mỹ đến từ 65 quốc gia và vùng lãnh thổ, theo đó khoảng 50.000 chuyên gia nước ngoài làm việc tại Bình Dương. Họ đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ của châu Á như Nhật Bản, Đài Loan, Singapore, Samoa, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hong Kong và người châu Âu như Anh, Đức, Pháp, Sri Lanka, Ý, Na Uy, Ireland, Nga, Hà Lan, Đan Mạch, Áo, Thụy Sĩ, Slovakia, Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ, Slovenia, Romania, Thụy Điển và người Mỹ, Canada...

Văn hóa truyền thống Thủ Dầu Một - Bình Dương dù có sự giao thoa tiếp biến nhưng vẫn giữ được những sắc thái riêng của từng tộc người. Văn hóa người Việt được lưu dấu qua những ngôi đình làng thờ Thần Thành Hoàng Bốn Cảnh (11) như đình Phú Long, Tân An, Phú Cường, An Sơn, Tương Bình Hiệp, Tân Trạch, Dầu Tiếng, Bình An, Phú Lợi...; những ngôi chùa như Hội Khánh, Sắc tứ Thiên tôn, Châu Thới, Phước Tường...; những ngôi nhà chữ đình "có kích thước trung bình,

mái ngói cổ rêu phong, nằm yên tĩnh, hiền hòa giữa những vườn cây xanh" (12); những món ăn mộc mạc, đơn sơ, phản ánh hoàn cảnh sống thiếu thốn thời khẩn hoang, như cá lóc nướng trui, cháo ám, rau rắng, mắm sống, cốm nổ rang... Văn hóa người Hoa được thể hiện đậm đặc ở khu vực Thành phố Thủ Dầu Một với những ngôi miếu lợp ngói ống, đồ thảm, thờ các vị thần Quan Thánh Đế Quân, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Phước Đức Chánh thần; những khu phố kinh doanh đầy áp hàng hóa; những ngôi nhà có chiếc gương bát quái trước cửa cùng với hai câu liễn viết trên giấy đỏ, bàn thờ Phật, thánh và tổ tiên, đặc biệt là tục đấu giá đèn lồng, lễ hội chùa Bà vốn của người Hoa đã trở thành lễ hội chung cả cư dân Bình Dương. Văn hóa người Chăm dù không nhiều (phần lớn sống tại xã Minh Hòa - Dầu Tiếng và phường Bình An, phường Dĩ An - Thành phố Dĩ An) vẫn đậm đặc tinh thần Chăm Islam, với những sinh hoạt dự lễ tại Thánh đường Hồi giáo, hành lễ năm lần mỗi ngày vào tháng Ramadan, lễ gỏi tập thể cho ông bà tổ tiên, tết cổ truyền Roya Haji, nghĩa vụ giáo luật ăn chay và mặc trang phục truyền thống trong sinh hoạt hàng ngày. Văn hóa người Khmer (tập trung chủ yếu ở xã An Bình, huyện Phú Giáo) đã biến đổi nhiều theo hướng "Kinh hóa", nhưng một số nét văn hóa truyền thống vẫn được bảo lưu như nghi thức cột chỉ tay cho cô dâu chú rể trong lễ cưới; lễ cúng ông bà Sen Dolta tổ chức vào ngày Rằm tháng 8 Âm lịch (tháng *Bhaddapada* - lịch Khmer); tết năm mới Chol Chnam Thmay, cúng giếng, cúng nhà, cúng rẫy xuất phát từ quan niệm vạn vật hữu linh. Với các gia đình dân tộc thiểu số đến từ các tỉnh miền núi phía Bắc như Nùng, Tày, Mường, Thái, Sán Chỉ..., tại Thủ Dầu Một - Bình Dương nhưng vẫn có thể thưởng thức *tiếng đàn Tỳn, điệu hát*

*Then, lễ Cầu mưa, lễ Rửa lá lúa...* và những món ẩm thực truyền thống của từng dân tộc, như *xôi ngũ sắc* của người Tày, *thịt muối chua* của người Dao, *trâu muối, xôi nếp, xôi bắp, cơm lam, thịt muối chua, rượu cần* của người Mường, *khau nhục* của người Nùng...

Theo số liệu của Cục Thống kê (ngày 1-4-2019), tỉnh Bình Dương có 13 tôn giáo khác nhau với 186.021 tín đồ; nhiều nhất là Công giáo 108.260 người, tiếp theo là Phật giáo 58.220 người, Phật giáo Hòa Hảo 10.619 người, đạo Cao Đài 5.962 người, đạo Tin Lành 1.962 người, Hồi giáo 745 người, Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa 110 người. Còn lại thuộc các tôn giáo khác như Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam, Bà La Môn, Minh Lý Đạo, Minh Sư Đạo, Bửu Sơn Kỳ Hương và Baha'i giáo. Có thể, con số trong thực tế còn cao hơn. Không chỉ đa tôn giáo, người dân ở Bình Dương còn thực hành nhiều tín ngưỡng dân gian khác nhau. Đó là tín ngưỡng thờ Thần Thành Hoàng Bốn Cảnh; thờ Nữ thần (Ngũ hành nương nương, Chúa Xứ Thánh Mẫu; thờ tổ nghề mộc, gốm, sơn mài; thờ Thần nông, Tam Phủ, Tứ Phủ, ông tổ của dòng họ. Ngoài ra, tại sân đình còn hình thức bái vật giáo: thờ hổ, thờ rồng, hà bá... dấu ấn thời mở cõi. Mỗi tín ngưỡng đều thực hành một hoặc nhiều nghi lễ riêng và từng nghi lễ sản sinh ra một loại hình nghệ thuật diễn xướng đặc trưng. Hát bội vốn là bộ môn nghệ thuật chốn cung đình ở miền Trung trở thành phổ biến ở Thủ Dầu Một - Bình Dương do được tích hợp vào lễ cúng đình. Trong nghi lễ cúng miếu thờ Nữ thần, Mẫu thần (Ngũ hành nương nương, Chúa Xứ Thánh Mẫu, Sơn Lâm Thánh Mẫu) không thể nghi thức múa bóng rối (múa dâng lễ và múa tạp kỹ). Cùng với đạo Mẫu, hát Châu văn đã xuất hiện ở Thủ Dầu Một từ những năm 50 của thế kỷ XX, dần hoàn thiện thành một loại hình nghệ

thuật đặc sắc từ nhạc cụ, âm nhạc, văn châu đến nghệ nhân biểu diễn. Hát Châu văn gồm hát thi, hát thờ và hát lên đồng. Điểm đặc biệt trong dàn nhạc Châu văn ở đây là sự xuất hiện của Kèn bầu. Khác với ở miền Bắc, Kèn bầu chỉ sử dụng trong đám tang, không sử dụng trong các nghi lễ.

### **3. Dân cư đa sinh kế thích ứng với điều kiện tự nhiên và bối cảnh xã hội**

Có một hướng tiếp cận khác về cư dân Thủ Dầu Một - Bình Dương dưới góc nhìn sinh kế theo hai mốc thời gian đầu thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Đầu thế kỷ XX, hơn 80% dân số tỉnh Thủ Dầu Một là nông dân, số còn lại là thợ thủ công, công nhân đồn điền cao su, chỉ khoảng 5% dân số là công chức làm việc trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, hành chính, văn hóa... Tuy nhiên, nếu xét kinh tế hộ gia đình không thể phân chia tách bạch hộ làm nông hay hộ thủ công, hộ công nhân, hộ công chức mà trong một gia đình có thể đa sinh kế nhằm đảm bảo cuộc sống của gia đình. Nông dân tỉnh Thủ Dầu Một "tùy theo điều kiện khí hậu nông nghiệp và dựa vào yêu cầu kinh tế, xã hội, mà bố trí cây trồng thích hợp, theo từng hệ sinh thái nông nghiệp" (13). Vùng đất xám và đất vàng trên phù sa cổ (Dầu Tiếng, Bến Cát, Tân Uyên, Phú Giáo) trồng cây lâu năm như cà phê, điều, tiêu, cao su. Đất thấp mùn, phù sa mới (Vĩnh Phú, Lái Thiêu, Bình Nhâm, Hưng Định, An Thạnh, An Sơn) trồng cây ăn trái. Đất dọc triền sông (dọc sông Đồng Nai, sông Bé, cù lao Thạnh Hội, cù lao Bạch Đằng) thì trồng hoa màu, lúa.

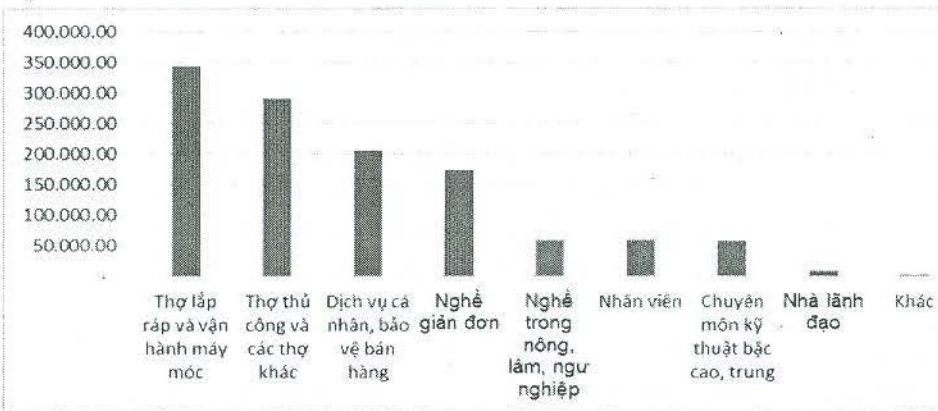
Kết quả phỏng vấn một số vị cao niên vốn sinh trưởng trong gia đình nhiều đời làm nông cho thấy, đầu thế kỷ XX, phần lớn nông hộ ở Thủ Dầu Một đa sinh kế để tránh rủi ro, "mục tiêu chính của người nông dân là an toàn sinh tồn, chứ không

nhằm tính toán tối đa hóa lợi nhuận” (14) Theo lời kể của ông H.V.N (sinh năm 1938, cù lao Thạnh Hội, xã Thạnh Hội, Tân Uyên) gia đình ông có 60 sào đất: trong đó dành 1,5 sào trồng mía, ép mía, nấu đường; phần đất trồng trồng lúa; đất gò trồng bạc hà, khi đất trở nên bạc màu thì trồng hành, các loại đậu phộng, mè, dưa, đậu bắp, rau, bầu, bí, mướp để đảm bảo mùa nào cũng có “hoa lợi”. Gia đình làm nông nhưng không phải tất cả các con ông đều làm nông, ông tạo điều kiện để các con đến trường để có cái nghề khác. Trường hợp khác, gia đình ông N.L.N (sinh năm 1937, cù lao Thạnh Hội, xã Thạnh Hội, Tân Uyên), cha ông làm thợ cắt nhà gỗ nhưng mẹ ông và anh em của ông làm nông, thời gian nông nhàn thì đi đánh lưới bắt cá. Mãi đến khi ba ông qua đời, ông mới theo nghề mộc, nhưng gia đình vẫn duy trì nghề nông, các con ông đi làm các dịch vụ khác. Đối với những hộ ít đất họ chỉ trồng lúa để đảm bảo nguồn lương thực, thời gian nông nhàn thì đi làm công nhân cao su theo thời vụ (15). Những gia đình sống ở vùng thị tứ không làm nông nghiệp thì sống bằng nghề thủ công truyền thống: nghề gốm, sơn mài, điêu khắc gỗ, vẽ tranh kính. “Đầu thế kỷ XX, Thủ Dầu Một

có ba làng gốm sứ: Lái Thiêu, Phú Cường và Tân Phước Khánh tất cả có khoảng 1.000 người thợ; toàn tỉnh có trên 10 cơ sở sản xuất sơn mài; hơn 150 hộ gia đình làm nghề điêu khắc gỗ tập trung ở Phú Thọ, 80 hộ sống bằng nghề guốc cổ truyền, hơn 300 hộ gia đình làm nghề điêu khắc” (16).

Từ sau khi tái lập tỉnh (1997) đến năm 2020, kinh tế Bình Dương được định hướng “theo hướng tăng mạnh tỷ trọng dịch vụ, ổn định tỷ trọng công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp” (17). Điều này làm thay đổi chiến lược sinh kế của người dân dẫn đến sự biến đổi về cơ cấu nghề nghiệp của cư dân Bình Dương. Năm 2017, Bình Dương có 1.255.681 người lao động (15 tuổi trở lên)/2.070.951 tổng dân số, chiếm 60,6%. Họ làm các công việc như: nhà lãnh đạo quản lý (9.670 người), chuyên môn kỹ thuật bậc cao, trung (57.506 người), nhân viên (59.220 người), dịch vụ cá nhân, bảo vệ, bán hàng (206.583 người), làm trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp (60.097 người), thợ thủ công và các thợ có liên quan (291.061 người), thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị (345.243 người), nghề giản đơn (175.142 người). Thống kê cho thấy số lượng người tham gia sản xuất

**Biểu đồ 3: Lĩnh vực nghề nghiệp của người Bình Dương năm 2017**



Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, 2017.

nông nghiệp giảm nhanh, ngược lại số người tham gia những công việc ở những khu đô thị hoá, công nghiệp hoá ngày càng gia tăng. Hiện đại hoá, theo một nghĩa hẹp gắn liền với công nghiệp hoá và đô thị hoá, và kéo theo đó là quá trình chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, là quá trình dịch chuyển người lao động từ các khu vực sản xuất nông nghiệp sang các dịch vụ ở đô thị và làm việc ở khu công nghiệp.

Bước sang thế kỷ XXI, nghề nông không còn là sinh kế chính của người Bình Dương. Trừ những gia đình ít vốn, ít đất vẫn giữ lối canh tác cổ truyền, đa phần nông dân đã mạnh dạn chuyển đổi sang hướng mở rộng sản xuất và chuyên canh để khuếch trương lợi nhuận. Từ đó hình thành những vùng chuyên canh. Ở xã Đất Cuốc, Tân Mỹ, Thường Tân, Lạc An, Tân Định, Hiếu Liêm (Bắc Tân Uyên) có những vườn cam 10.000 ha cho sản lượng 400.00 tấn mỗi năm; 6 phường, xã Lái Thiêu, Vĩnh Phú, Bình Nhâm, An Thạnh, Hưng Định, An Sơn trồng 1.200 ha sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, dâu, mít tố nữ, xoài. Người nông dân ở hai cù lao Thạnh Hội và Bạch Đằng chọn cây trồng phù hợp, cho năng suất cao. Cù lao Thạnh Hội chuyên trồng các loại hoa màu: hành, bạc hà, đậu bắp, vùng đất trũng vẫn duy trì cây lúa; trong khi đó cù lao Bạch Đằng đã có 450 ha (chiếm 50% diện tích tự nhiên) chuyên trồng hai giống bưởi được truyền lại từ nhiều đời là bưởi đường da láng và bưởi đường lá cam, trở thành thương hiệu bưởi Bạch Đằng. Một số nông dân và thợ thủ công truyền thống cũng thay đổi phương thức sản xuất, đầu tư máy móc, tìm tòi sáng tạo áp dụng kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.

Bình Dương có tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm cao gấp 2 lần so với mức tăng trưởng bình quân chung của cả nước, trong đó có vai trò không nhỏ của 42.695 doanh

nh nghiệp (18). Trong 120 năm, cư dân Bình Dương đã có bước tiến dài về sinh kế: từ cư dân sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp đã trở thành những người làm đa ngành nghề, nông nghiệp vẫn được duy trì nhưng phương thức sản xuất thay đổi theo hướng đầu tư tối ưu hóa lợi nhuận. Bình Dương là nơi có số lượng doanh nghiệp đứng thứ 3 trên cả nước. Họ kinh doanh trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, khai khoáng, sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí, cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, xây dựng, vận tải kho bãi, dịch vụ lưu trú và ăn uống, thông tin và truyền thông, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm, bất động sản, khoa học công nghệ, hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ, giáo dục và đào tạo, y tế và hoạt động trợ giúp xã hội, nghệ thuật, vui chơi và giải trí.

Bước tiến dài nói trên của Bình Dương đã dẫn đến sự phân tầng xã hội dịch chuyển từ dạng hình tháp (1900) sang dạng hình thoi (2007) và chuyển lại dạng tháp (2020). Đầu thế kỷ XX, đời sống xã hội ở Thủ Dầu Một có sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt giữa tầng lớp quan chức cao cấp của chính quyền thuộc địa với những người làm công nhân trong các đồn điền cao su, giữa tầng lớp địa chủ, phú nông với nông dân, tá điền. Năm 1949, lương của tỉnh trưởng là 4.500 đ/tháng, phó tỉnh trưởng: 4000đ, đại lý hành chính: 3.500đ, quận trưởng: 3000đ, bang tá: 2000đ, trong khi lương của công nhân cạo mủ cao su chỉ có 120đ/tháng. Mức thu nhập của nhóm thấp nhất và nhóm cao nhất chênh lệch nhau hơn 38 lần. Trong lĩnh vực nông nghiệp, sự bất bình đẳng không dựa vào lương mà dựa vào diện tích đất đai. Theo thống kê năm 1943, 50% đất canh tác nằm trong tay 20% dân số là phú nông, địa chủ và chủ đồn điền (19).



Đầu thế kỷ XXI, tại thời điểm cuối năm 2005, đầu năm 2006, ở khu vực thành thị của Bình Dương không còn hộ gia đình nào có mức thu nhập bình quân đầu người dưới 260.000 đồng/tháng; ngay cả khu vực nông thôn cũng chỉ còn 0,42% hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người 200.000 đồng/tháng trở xuống. Tính chung cả khu vực, tỷ lệ nghèo đói của Bình Dương theo chuẩn nghèo quốc gia chỉ là 0,33% - một tỷ lệ rất thấp. Nếu so với tỷ lệ nghèo 2,2% của cả nước tại thời điểm này thì đây là một thành quả tuyệt vời của Bình Dương trong cuộc chiến chống đói nghèo (20). Nhóm nghèo nhất của tỉnh Bình Dương có mức thu nhập bình quân là 408.562 đồng/người/tháng trong khi thu nhập bình quân của nhóm giàu nhất là 2.490.870 đồng/người/tháng. Chênh lệch giữa hai nhóm này là 6,1 lần, thấp hơn mức chung của cả nước (8,34 lần). Điều này chứng tỏ là mức độ phân phối thu nhập của tỉnh Bình Dương là tương đối bình đẳng (21).

\*

Bình Dương xưa là địa bàn sinh sống một thời của người S'Tiêng, người Mạ, người Châu Ro... Từ thế kỷ XVII - XVIII, lớp dân cư người Việt từ miền Bắc, miền Trung phiêu tán về vùng Đông Nam Bộ, trong đó có địa bàn Bình Dương tìm vùng đất mới lập nghiệp. Tiếp đó, cộng đồng người Hoa di dân đến Bình Dương ngày một đông. Ngoài việc khai phá đất đai, phát triển sản xuất nông nghiệp, Bình Dương còn là nơi hình thành nhiều làng nghề thủ công truyền thống như làng mộc, sơn mài, gốm sứ... thu hút nhiều lao động có tay nghề kỹ thuật cao từ khắp cả nước đến định cư, sinh sống. Trong cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở miền Đông Nam Kỳ, Thủ Dầu Một - Bình Dương đã lần lượt mọc lên các diền cao su rộng lớn. Công nhân các đồn diền cao su đa

số là những người nông dân từ miền Bắc, miền Trung (nhiều nhất là miền Bắc) vốn bị khánh kiệt ruộng đất, thất cơ lỡ vận buộc phải bỏ xứ đi làm "phu công tra" cho các chủ Tây. Bình Dương là cái nôi của cây cao su Việt Nam, cũng là cái nôi của người công nhân và phong trào đấu tranh của công nhân cao su chống ách áp bức bóc lột của thực dân đế quốc. Trong 30 năm kháng chiến (1945 - 1975), bức tranh thành phần dân cư và mật độ dân số ở Bình Dương không ngừng thay đổi, luôn được bổ sung từ nhiều nguồn, nhiều nơi (người miền Bắc di cư vào năm 1954, người các tỉnh miền Trung vào bởi chính sách "dinh điền" của chính quyền Việt Nam Cộng hòa). Trong chiến tranh, sự phân bố cư trú của dân cư Thủ Dầu Một - Bình Dương cũng có nhiều thay đổi do nơi đây là một trong những chiến trường ác liệt, của ngõ bảo vệ "Thủ đô" của chế độ Việt Nam Cộng hòa. Trong vòng hơn hai mươi năm sau ngày giải phóng (1975), dân số Bình Dương đã tăng gấp đôi, từ gần 350 ngàn người tăng lên 668 ngàn người (lúc chia tỉnh), trong đó, một bộ phận không nhỏ là dân cư di kinh tế mới đến Bình Dương khai hoang phục hóa. Từ khi tỉnh Bình Dương tái lập và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sự biến động về thành phần dân cư và mật độ dân số diễn ra với mức độ đáng kể. Trải qua 120 năm, cư dân Bình Dương không ngừng thay đổi để thích nghi và phát triển với xã hội tổng thể. Đó là một quá trình dịch chuyển không ngừng, từ tập trung và gia tăng dân số đến sự thay đổi cơ cấu thành phần và lối sống cư dân do những tác động của hoàn cảnh trong từng thời kỳ lịch sử tại một vùng đất sát cạnh Sài Gòn và dễ nhạy cảm với mọi diễn biến của thời cuộc. Nhờ thiên thời, địa lợi, nhân hòa, Thủ Dầu Một - Bình Dương từ xưa đến nay, đã và đang trở thành nơi

thu hút nhiều luồng di dân từ các nơi trong nước và các quốc gia trên thế giới. Dân cư Bình Dương là đa tộc người (Việt, Hoa, Chăm, Khmer, Tày, Mường, Thái, Nùng...); đa vùng miền (Bắc, Trung, Nam); đa quốc gia (châu Á, châu Âu, châu Mỹ). Đó là những nhân tố có ý nghĩa tiền đề, nền móng

để cư dân tỉnh Bình Dương ngày nay phát huy các phẩm chất tiên tiến nhưng vẫn đậm đà bản sắc vùng miền tại một địa bàn đang có tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội nhanh, mạnh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế!

## CHÚ THÍCH

(1), (2). Trần Bạch Đằng (chủ biên), *Địa chí tỉnh Sông Bé*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1991, tr.21, 22.

(3). Nguyễn Văn Hiệp, *Sự chuyển biến kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương 1945 - 2007*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.118.

(4). Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, *Địa chí Bình Dương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 164, 178.

(5). Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, *Địa chí Bình Dương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 164, 178.

(6). Xem thêm Đào Đức Hưởng, Nguyễn Hữu Ngũ, Huỳnh Văn Chương (2018), "Đánh giá thực trạng đô thị hóa tại thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương", Tạp chí *Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, Tập 127, số 3A, tr.37-47.

(7). Đào Đức Hưởng, Nguyễn Hữu Ngũ, Huỳnh Văn Chương, *Đánh giá thực trạng đô thị hóa tại thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương*, tldd, tr.37-47.

(8). J.C. Baurac (1899), *La Cochinchine et les habitants, province de l'Est*. Nxb. Commerciale de Rey, Saigon.

(9). Trần Bạch Đằng (chủ biên) (1991), *Địa chí tỉnh Sông Bé*, sdd, tr.219-220.

(10). Mạc Đường (chủ biên), *Vấn đề dân tộc ở Sông Bé*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé, 1985, tr.20.

(11). Theo số liệu kiểm kê của Bảo tàng Bình Dương, hiện nay toàn tỉnh có 125 ngôi đình (di tích), phân bố trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: thành phố Thủ Dầu Một (16), Thuận An (19), Dĩ An (17); thị xã Tân Uyên (41), Bến Cát (19); huyện Bắc Tân Uyên (3), huyện Bàu Bàng

(2), huyện Phú Giáo (4), huyện Dầu Tiếng (4). Xem: Văn Thị Thùy Trang, "Đình thần Bình Dương và những vấn đề tu bổ di tích", <https://sovhthtdl.binhduong.gov.vn>, Truy cập ngày 8-9-2020.

(12). Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, *Địa chí Bình Dương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 10-11.

(13). Trần Bạch Đằng (chủ biên), *Địa chí tỉnh Sông Bé*, sdd, tr.57.

(14). Trần Hữu Quang, *Ứng xử kinh tế của nông hộ - Khảo sát xã hội tại Châu thổ Sông Cửu Long*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr.31.

(15). Những năm đầu mới thành lập, công ty Michelin sử dụng lao động nhàn rỗi tại chỗ, vào mùa giáp hạt nông dân vào đồn điền làm công. Đến mùa vụ họ trở về canh tác trên mảnh đất của gia đình.

(16). Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, *Địa chí Bình Dương*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. tr.91.

(17). Nguyễn Văn Hiệp, *Sự chuyển biến kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương 1945 - 2007*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.200.

(18). Quốc Bình, *Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Dương*, [Http://sokhdt.binhduong.gov.vn](http://sokhdt.binhduong.gov.vn), tr. 17, truy cập ngày 11-10-2020.

(19). Nguyễn Văn Hiệp, *Sự chuyển biến kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương 1945 - 2007*, sdd, tr.58.

(20), (21). Phan Thành Sơn, *Nghiên cứu thực trạng phân hóa giàu nghèo tỉnh Bình Dương thời kỳ*